BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰCPHẨM

Số: 483/QĐ-ATTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Căn cứ hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, Biên bản đánh giá tại cơ sở và hồ sơ khắc phục sau đánh giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh (Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) là cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **63/2020/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- CT. Nguyễn Thanh Phong (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP, Ban QLATTP các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM
BỘ Y TẾ

Lê Văn Giang

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 483/QĐ-ATTP ngày 07 tháng 8 năm 2020 2020)

TT	Tên phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện của phép thử (nếu có)/phạm vi đo
(1)	(3)	(2)	(4)	(5)
A.	**Lĩnh vực hóa lý**			
1	Xác định pH	Nước uống đóng chai	TCVN 6492:2011	2-12
2	Xác định hàm lượng sắt tổng. Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10 – Phenantrolin		TCVN 6177:1996	LOQ = 0,03 mg/L
3	Xác định độ cứng tổng. Phương pháp chuẩn độ EDTA		TCVN 6224:1996	LOQ = 15 mg/L
4	Xác định hàm lượng clorua. Chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (Phương pháp Mo)		TCVN 6194:1996	LOQ = 5 mg/L
5	Xác định độ đục		TCVN 6184:2008	LOQ = 0,1 NTU
6	Xác định hàm lương nitrit. Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử		TCVN 6178:1996	LOQ = 0,02 mg/L
7	Xác định hàm lượng mangan. Phương pháp trắc quang dùng fomaldoxim		TCVN 6002:1995	LOQ = 0,06 mg/L
8	Xác định hàm lượng nitrat. Phương pháp trắc phổ dùng axit sunfosalixylic		TCVN 6180:1996	LOQ = 0,08 mg/L
9	Xác định hàm lượng đồng. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa		TCVN 6193:1996	LOQ = 0,4 mg/L

10	Xác định hàm lượng kẽm. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Nước uống đóng chai	TCVN 6193:1996	LOQ = 0,37 mg/L
11	Xác định hàm lượng natri bằng phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử		TCVN 6196-1:1996	LOQ = 0,4 mg/L
12	Xác định hàm lượng cadimi bằng phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử		TCVN 6197:2008	LOQ = 0,00065 mg/L
13	Xác định asen. Phương pháp đo phổ hấp thụ nguyên tử (Kỹ thuật hydrua)		TCVN 6626:2000	LOQ = 0,00062 mg/L
14	Xác định selen. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử (kỹ thuật hydrua)		TCVN 6183:1996	LOQ = 0,00049 mg/L
15	Xác định hàm lượng thủy ngân		TCVN 7877:2008	LOQ = 0,00076 mg/L
B.	**Lĩnh vực vi sinh vật**			
16	Định lượng vi khuẩn *Coliform*. Phương pháp lọc màng	Nước uống đóng chai, nước đá dùng liền	TCVN 6187-1:2019	LOD = 2 CFU/250mL
17	Định lượng *E.coli.* Phương pháp lọc màng		TCVN 6187-1:2019	LOD = 2 CFU/250mL
18	Phát hiện và đếm khuẩn đường ruột. Phương pháp lọc màng		TCVN 6189-2:2009	LOD = 2 CFU/250mL
19	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa.* Phương pháp lọc màng		TCVN 8881:2011	LOD = 2 CFU/250mL
20	Định lượng bảo tử vi khuẩn kỵ khí khử Sunphit. Phương pháp lọc màng	Nước uống đóng chai	TCVN 6191-2:1996	LOD = 2 CFU/50mL
21	Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30^0C	Thực phẩm	TCVN 4884-1:2015	LOD = 2 CFU/mL LOD = 11 CFU/g
22	Phát hiện và định lượng *Coliform.* Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	Thực phẩm	TCVN 4882:2007 (ISO 4381:2006)	LOD = 3 MPN/g LOD = 0,3 MPN/mL

23	Phát hiện và định lượng *Escherichia Coli* giả định. Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất		TCVN 6846:2007 (ISO 7251:2005)	LOD = 3 MPN/g LOD = 0,3 MPN/mL
24	Định lượng *Staphylococci* dương tính với *coagulase* (*Staphylococus aureus* và các loài khác). Phương pháp sử dụng môi trường Baird – Parker		TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999)	LOD = 2 CFU/mL LOD = 11 CFU/g
25	Định lượng *Coliform* trong thực phẩm. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	LOD = 2 CFU/mL LOD = 11 CFU/g
26	Định lượng *Escherichia coli* dương tính *β-glucuronidase*. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-chloro-3-indolyl β-D-glucuronide		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2 : 2001)	LOD = 2 CFU/mL LOD = 11 CFU/g

Ghi chú: Lĩnh vực thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế.